

Số: /QĐ - BNV

Hà Nội, ngày tháng năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai quyết toán ngân sách nhà nước năm 2018

BỘ TRƯỞNG BỘ NỘI VỤ

Căn cứ Nghị định số 34/2017/NĐ-CP ngày 03/4/2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nội vụ;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Kế hoạch - Tài chính,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu quyết toán ngân sách nhà nước năm 2018 của Bộ Nội vụ (theo bảng biểu đính kèm).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Bộ, Vụ trưởng Vụ Kế hoạch - Tài chính, Thủ trưởng các đơn vị dự toán thuộc, trực thuộc và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Các Thứ trưởng;
- Bộ Tài chính;
- Cổng thông tin điện tử BNV;
- Lưu VT, KHTC.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Nguyễn Trọng Thừa

THUYẾT MINH SỐ LIỆU QUYẾT TOÁN NĂM 2018
(Kèm theo quyết định số /QĐ-BNV ngày tháng năm 2020
của Bộ trưởng Bộ Nội vụ)

Căn cứ Thông báo số 25/TB-BTC ngày 07 tháng 01 năm 2020 của Bộ Tài chính về việc thẩm định quyết toán ngân sách nhà nước năm 2018 của Bộ Nội vụ;

Bộ Nội vụ công khai số liệu quyết toán ngân sách năm 2018 như sau:

I. Nguồn ngân sách trong nước:

1. Số dư kinh phí năm 2017 chuyển sang năm 2018: 8.075.535.563 đồng (Thông báo số 143/TB-BTC ngày 30/01/2019 của Bộ Tài chính thẩm định quyết toán ngân sách năm 2017); gồm:

a) Kinh phí thường xuyên: 4.474.655.443 đồng; gồm:

- Kinh phí đã nhận: 322.527.000 đồng (Loại 340-341).

- Dự dự toán: 4.152.128.443 đồng; gồm:

+ Loại 160-161: 38.312.098 đồng;

+ Loại 340-341: 4.113.816.435 đồng.

b) Kinh phí không thường xuyên: 3.600.880.120 đồng; gồm:

- Kinh phí đã nhận: 720.000.000 đồng (Loại 100-103).

- Dự dự toán: 2.880.880.120 đồng; gồm:

+ Loại 100-103: 2.780.880.120 đồng

+ Loại 370-374: 100.000.000 đồng

2. Dự toán được giao trong năm: 541.555.506.196 đồng; gồm:

a) Dự toán giao đầu năm: 522.650.000.000 đồng theo Quyết định số 2469/QĐ-BTC ngày 29/11/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính giao dự toán chi ngân sách nhà nước cho Bộ Nội vụ.

b) Số bổ sung trong năm: 18.905.506.196 đồng; gồm:

- *Sự nghiệp giáo dục đào tạo:* 367.296.899 đồng kinh phí bổ sung kinh phí thực hiện chính sách tinh giản biên chế theo công văn số 10486/BTC-HCSN ngày 29/8/2018 của Bộ Tài chính

- *Sự nghiệp Khoa học - công nghệ:* 213.143.418 đồng kinh phí bổ sung kinh phí tinh giản biên chế theo công văn số 10486/BTC-HCSN ngày 29/8/2018 của Bộ Tài chính.

- *Sự nghiệp Văn hóa - Thông tin*: 2.676.419.688 đồng; gồm:
 - + Bổ sung kinh phí tinh giản biên chế theo công văn số 10486/BTC-HCSN ngày 29 tháng 8 năm 2018: 176.419.688 đồng
 - + Bổ sung kinh phí Chương trình mục tiêu công nghệ thông tin theo Quyết định số 1624/QĐ-BTC ngày 11/9/2018: 2.500.000.000 đồng
- *Quản lý hành chính*: 6.443.646.191 đồng; gồm:
 - + Bổ sung kinh phí tinh giản biên chế theo công văn số 344/BTC-HCSN ngày 10 tháng 1 năm 2018: 281.700.016 đồng
 - + Bổ sung kinh phí tổ chức Lễ kỷ niệm 70 năm Bác Hồ ra lời kêu gọi thi đua Ái quốc theo công văn số 7927/BTC-HCSN ngày 02 tháng 7 năm 2018: 6.020.000.000 đồng
 - + Bổ sung kinh phí tinh giản biên chế theo công văn số 10486/BTC-HCSN ngày 29 tháng 8 năm 2018: 141.946.175 đồng
- *Viện trợ Lào, Campuchia*: 9.205.000.000 đồng
 - + Dự toán được giao theo công văn số 2775/BTC-QLN ngày 13 tháng 3 năm 2018 của Bộ Tài chính: 6.500.000.000 đ
 - + Dự toán được giao theo công văn số 4916/BTC-QLN ngày 27 tháng 4 năm 2018 của Bộ Tài chính: 1.705.000.000 đ
 - + Dự toán được giao theo công văn số 9048/BTC-QLN ngày 30 tháng 7 năm 2018 của Bộ Tài chính: 1.000.000.000 đ

3. Kinh phí thực nhận trong năm: 494.912.510.902 đồng, gồm:

- Kinh phí thường xuyên/ tự chủ: 250.838.935.559 đồng;
- Kinh phí không thường xuyên/ không tự chủ: 244.073.575.343 đồng.

4. Kinh phí quyết toán trong năm: 493.776.708.846 đồng; gồm:

- Kinh phí thường xuyên/ tự chủ: 250.882.889.333 đồng;
- Kinh phí không thường xuyên/ không tự chủ: 242.893.819.513 đồng.

5. Kinh phí giảm trong năm: 48.033.740.029 đồng; gồm:

a) Kinh phí thường xuyên/tự chủ: 18.573.226 đồng kinh phí còn phải nộp NSNN; gồm: Loại 160-161: 17.873.226 đồng ; Loại 340-341: 700.000 đồng kinh phí đã rút tiền tại KBNN nhưng không có chứng từ chi.

b) Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ: 48.015.166.803 đồng, gồm:

* Kinh phí còn phải nộp NSNN: 909.755.830 đồng; gồm:

- Loại 070-085: 90.833.836 đồng kinh phí đào tạo, bồi dưỡng; trong đó: Văn phòng Bộ: 5.400.000 đồng thực hiện xuất toán do chứng từ không hợp lệ; Cục Văn thư lưu trữ: 59.085.508 đồng đã thực hiện rút tiền tại KBNN nhưng không có chứng từ thanh toán hợp lệ; Học viện Hành chính quốc gia: 26.348.328 đồng chi vượt chế độ tiền dịch tài liệu;

- Loại 160-161: 299.968.760 đồng chênh lệch kinh phí hoạt động theo phương án thẩm định của Bộ Tài chính đối với Trung tâm tu bổ phục chế tài liệu lưu trữ tại công văn số 13254/BTC-HCSN ngày 29/10/2018 của Bộ Tài chính.

- Loại 340-341: 518.953.234 đồng; gồm: Kinh phí Cục Văn thư lưu trữ đã rút tiền tại KBNN nhưng không có chứng từ thanh toán (144.953.234 đồng); chênh lệch kinh phí hoạt động theo phương án thẩm định đơn vị sự nghiệp của Bộ Tài chính đối với Tạp chí tổ chức nhà nước (198.000.000 đồng); Tạp chí công tác tôn giáo (100.000.000 đồng); Trung tâm tin học – Cục Văn thư lưu trữ (71.000.000 đồng); Trung tâm tin học – Ban Thi đua khen thưởng Trung ương (5.000.000 đồng).

* Hủy dự toán: 47.105.410.973 đồng; gồm:

- Loại 070: 22.021.428.315 đồng; gồm:

+ Loại 070-081: 12.210.898.985 đồng kinh phí miễn giảm học phí thừa không sử dụng hết; gồm: Trường ĐH Nội vụ: 10.651.561.480 đồng; Học viện Hành chính: 1.559.337.505 đồng;

+ Loại 070-083: 1.562.076.365 đồng kinh phí chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới thừa không sử dụng hết; trong đó: Văn phòng Bộ: 1.505.355.625 đồng (nội dung số 01 thành phần 09: 1.430.167.625 đồng; nội dung số 02 thành phần 11: 75.188.000 đồng); Học viện Hành chính: 7.722.266 đồng (nội dung số 01 thành phần 09); Trung tâm Thông tin: 48.910.000 đồng (nội dung số 01 thành phần 09); Ban Tôn giáo Chính phủ: 88.374 đồng.

+ Loại 070-085: 8.248.452.965 đồng kinh phí đào tạo, bồi dưỡng thừa không sử dụng hết; Văn phòng Bộ: 6.751.955.573 đồng (đào tạo trong nước: 6.685.590.700 đồng; đào tạo ngoài nước: 66.364.873 đồng); Ban Tôn giáo Chính phủ: 213.142.927 đồng (đào tạo trong nước); Học viện Hành chính: 1.095.494.465 đồng (đào tạo trong nước); Trung tâm Thông tin: 187.860.000 đồng (đào tạo trong nước);

- Loại 100-103: 1.294.279.844 đồng kinh phí hoạt động khoa học thừa không sử dụng hết; Ban Tôn giáo Chính phủ: 790.000 đồng; Viện Khoa học Tổ chức Nhà nước: 1.293.489.844 đồng;

- Loại 160: 1.750.862.359 đồng; gồm:

+ Loại 160- 161: 310.074.079 đồng kinh phí thừa của các Trung tâm lưu trữ quốc gia giảm giá do đấu thầu nhiệm vụ.

+ Loại 160-171: 1.440.788.280 đồng kinh phí thừa chương trình mục tiêu quốc gia CNTT gồm: Ban Thi đua KTTW: 280 đồng; Trung tâm Thông

tin: 1.372.188.000 đồng; Chương trình mục tiêu quốc gia nông thôn mới gồm Văn phòng Bộ: 68.600.000 đồng.

- Loại 280-332: 1.216.475.560 đồng; Văn phòng Bộ: 1.000.000.000 đồng (kinh phí thực hiện Dự án 513); Ban Tôn giáo Chính phủ: 216.475.560 đồng (kinh phí thừa dự án điều tra cơ bản);

- Loại 340: 19.281.959.318 đồng; gồm:

+ Loại 340-341: 19.280.037.118 đồng; Văn phòng Bộ: 6.319.440.909 đồng (kinh phí thừa không sử dụng hết của nhiệm vụ không thường xuyên như: kinh phí thực hiện Đề án CCTL: 1.600.000.000 đồng; kinh phí thực hiện các nhiệm vụ về chính quyền địa phương;...); Cục Văn thư lưu trữ: 511.810.690 đồng (kinh phí thừa không sử dụng hết); Ban Tôn giáo Chính phủ: 6.529.932.385 đồng (kinh phí thừa thực hiện hỗ trợ các tổ chức tôn giáo theo Quyết định số 10/QĐ-TTg của TTg); Ban Thi đua KTTW: 2.935.633.196 đồng (kinh phí thừa Kỷ niệm 70 năm Bác Hồ ra lời kêu gọi thi đua Ái Quốc); Trung tâm Thông tin: 896.562.473 đồng (kinh phí thừa không sử dụng hết); Đề án 500 tri thức trẻ: 1.872.553.000 đồng; Dự án VNM9P04 (vốn đối ứng): 214.104.465 đồng.

+ Loại 340-368: 1.922.200 đồng kinh phí đóng niên liễm thừa của Cục Văn thư lưu trữ NN.

- Loại 370: 250.000.000 đồng gồm:

+ Loại 370-374: 100.000.000 đồng kinh phí kinh phí Chương trình mục tiêu phát triển hệ thống trợ giúp xã hội (Văn phòng Bộ)

+ Loại 370-398: 150.000.000 đồng kinh phí kinh phí kinh phí Chương trình mục tiêu phát triển hệ thống trợ giúp xã hội (Văn phòng Bộ)

- Loại 400-402: 1.290.405.577 đồng Kinh phí viện trợ Lào (Học viện Hành chính quốc gia)

6. Số dư kinh phí được phép chuyển sang năm 2019 sử dụng và quyết toán: 7.820.592.884 đồng; gồm:

a) Kinh phí thường xuyên/tự chủ: 4.580.592.884 đồng; gồm:

- Kinh phí đã nhận: 260.000.000 đồng kinh phí Văn phòng Bộ.

- Dự toán còn dư ở kho bạc: 4.320.592.884 đồng; gồm:

+ Loại 160-161: 41.363.415 đồng kinh phí Cục Văn thư lưu trữ

+ Loại 340-341: 4.279.229.469 đồng; Văn phòng Bộ: 901.287.658 đồng; Cục Văn thư lưu trữ: 3.377.938.578 đồng; Ban Tôn giáo Chính phủ: 3.233 đồng;

b) Kinh phí không thường xuyên/ không tự chủ: 3.240.000.000 đồng;
gồm:

- Kinh phí đã nhận: 990.000.000 đồng (Loại 100-103) kinh phí thực hiện các Đề tài khoa học công nghệ đang trong quá trình thực hiện; gồm: Trường ĐH Nội vụ: 140.000.000 đồng; Viện Khoa học Tổ chức nhà nước: 850.000.000 đồng.

- Dự toán còn dư ở kho bạc: 2.250.000.000 đồng (Loại 100-103) kinh phí thực hiện các Đề tài khoa học công nghệ đang trong quá trình thực hiện; gồm: Trường ĐH Nội vụ: 340.000.000 đồng; Viện Khoa học Tổ chức nhà nước: 1.910.000.000 đồng.

II. Nguồn phí được khấu trừ để lại

1. Số dư kinh phí năm 2017 chuyển sang năm 2018: 474.291.009 đồng.

2. Dự toán được giao trong năm: 450.000.000 đồng.

3. Số thu được để lại trong năm: 660.192.100 đồng.

4. Số kinh phí đã sử dụng đề nghị quyết toán: 617.025.103 đồng.

5. Số dư kinh phí được phép chuyển sang năm sau sử dụng và quyết toán: 517.458.006 đồng.

III Nguồn vốn viện trợ (Dự án VNM9P04)

1. Số dư kinh phí năm 2017 chuyển sang: 153.142.800 đồng

2. Số nhận viện trợ trong năm: 2.797.877.666 đồng.

3. Số kinh phí sử dụng đề nghị quyết toán: 2.951.020.466 đồng.